

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 263/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2020, giữa:

*** Nguyên đơn:** Bà **Trần Thị T**, sinh năm: 1981

Địa chỉ: Thôn 5, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

*** Bị đơn:** Ông **Lê Văn C**, sinh năm: 1974

Địa chỉ: Thôn 5, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 55, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 3 năm 2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 3 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị T và ông Lê Văn C.

2- Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Lê Văn C thuận tình ly hôn.

2.2- Về con chung:

Giao 01 con chung là cháu Lê Thanh C1, sinh ngày 31/5/2009 cho bà Trần Thị T có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Ông Lê Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Còn cháu Lê Ngọc C2, sinh ngày 24/8/2001 đã đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động được nên bà Trần Thị T và ông Lê Văn C không yêu cầu giải quyết.

Về quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.3- Về tài sản chung: Bà Trần Thị T và ông Lê Văn C tự thỏa thuận chia và yêu cầu Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận này. Cụ thể như sau:

2.3.1- Bà Trần Thị T được toàn quyền quản lý, sở hữu, sử dụng tài sản là:

Toàn bộ diện tích đất 3.828m² đất nông nghiệp (LN) và toàn bộ tài sản trên đất thuộc thửa đất số 30, tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại Thôn 7, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 559457 do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 07/6/1999 mang tên hộ bà Nguyễn Thị Hiền (đã được đăng ký biến động sang tên cho ông Lê Văn C ngày 11/4/2007).

2.3.2- Ông Lê Văn C được toàn quyền quản lý, sở hữu, sử dụng tài sản là:

+ Toàn bộ diện tích đất 5.353m² đất nông nghiệp (CLN) và toàn bộ tài sản trên đất thuộc thửa đất số 07, tờ bản đồ số 76 tọa lạc tại Thôn 9, xã N, huyện B, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 744184 do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 21/6/2006 mang tên ông Lê Văn C;

+ Toàn bộ diện tích đất 4.350m² đất nông nghiệp (CLN) và toàn bộ tài sản trên đất thuộc thửa đất số 33, tờ bản đồ số 76 tọa lạc tại Thôn 9, xã N, huyện B, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 744185 do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 21/6/2006 mang tên ông Lê Văn C;

+ Toàn bộ diện tích đất 245m² (trong đó có 100m² đất ở (ONT) và 145m² đất nông nghiệp (CLN)) và toàn bộ tài sản trên đất thuộc thửa đất số 550, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại Thôn 5, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 705303 do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 10/4/2009 mang tên ông Lê Văn C.

Bà Trần Thị T và ông Lê Văn C có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục để được công nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

2.4- Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về “*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”.

Bà Trần Thị T phải nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 12.300.000đ (*Mười hai triệu ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0004724 ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Bà Trần Thị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.150.000đ (*Mười hai triệu một trăm năm mươi ngàn đồng*).

3- Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4- Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND, TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND, Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã L, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký

Nguyễn Đức Trường